

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3015/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty trách nhiệm
hữu hạn nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ mẫu của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3955/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2005 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc chuyển đổi Nông Lâm Trường Nam Hòa thành Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hòa và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3215/TTr-SKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hòa: gồm có 09 Chương 38 Điều (Kèm theo Điều lệ Công ty).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hòa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2005.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Nội vụ; Chủ tịch và Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hòa; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP và các PVP; CV: NN, NV;
- Lưu: VT, TH, DN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phương

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NAM HÒA
(Kèm theo Quyết định số 3015/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - Căn cứ Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;
 - Căn cứ Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ mẫu của công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
 - Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
 - Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
 - Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 3955/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2005 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc chuyển đổi Nông Lâm Trường Nam Hòa thành Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hòa; và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hòa (sau đây viết tắt là Công ty).
2. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) "Chủ sở hữu công ty" là Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, là cơ quan quyết định thành lập và quản lý Công ty;
 - b) Chủ sở hữu đối với vốn nhà nước hoặc vốn của doanh nghiệp nhà nước (sau đây gọi là chủ sở hữu vốn) là cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp nhà nước có vốn đầu tư chuyển nhượng;
 - c) "Đơn vị trực thuộc" là các đơn vị trực tiếp sản xuất, kinh doanh bao gồm: đội sản xuất, xí nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, văn phòng giao dịch nằm trong cơ cấu Công ty;
 - d) "Cơ quan đại diện chủ sở hữu" là cơ quan, tổ chức được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý và thực hiện quyền, trách nhiệm đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;
 - e) "Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ" (sau đây gọi là người đại diện chủ sở hữu trực tiếp) là cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm vào Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp;
 - f) "Người đại diện phần vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn" (sau đây gọi là người đại diện phần vốn của doanh nghiệp) là cá nhân được doanh nghiệp ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp đối với phần vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
 - g) "Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên" (sau đây gọi là người đại diện phần vốn nhà nước) là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;
 - i) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

k) “Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước” là Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

l) “Nghị định 99/2012/NĐ-CP” là Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

m) “Nghị định 130/2013/NĐ-CP” là Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

n) “Nghị định số 172/2013/NĐ-CP” là Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty con của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

o) “Nghị định 91/2015/NĐ-CP” là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

p) “Nghị định 97/2015/NĐ-CP” là Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

q) “Nghị định số 51/2016/NĐ-CP” là Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

r) “Nghị định số 52/2016/NĐ-CP” là Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

s) “Nghị định số 32/2018/NĐ-CP” là Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

4. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Tên Công ty, trụ sở chính

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Nam Hòa.

Tên công ty viết tắt: Công ty Lâm nghiệp Nam Hòa.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Nam Hòa forestry one member state limited company.

2. Trụ sở chính: Thôn Cư chánh, xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại: 0234. 3865906; Fax : 0234. 3886274.

Email: congtylnnamhoa@gmail.com

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty tổ chức và hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh

1. Công ty hoạt động theo các mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh do Chủ sở hữu công ty giao.

2. Ngành, nghề kinh doanh:

a) Khai thác gỗ

Chi tiết: Khai thác các loại lâm sản;

b) Trồng rừng và chăm sóc rừng

Chi tiết: Trồng rừng kinh tế;

c) Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp

Chi tiết:

- Quản lý diện tích rừng tự nhiên được giao, phát triển vốn rừng bằng vốn ngân sách cấp

- Thu mua và chế biến các loại nguyên liệu rừng trồng

- Chế biến các loại lâm sản

- Kinh doanh dịch vụ lâm nghiệp

d) Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống:

Chi tiết: kinh doanh các loại lâm sản

e) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

Điều 5. Mức vốn điều lệ

Mức vốn điều lệ của Công ty: 14.200.000.000 đồng (Mười bốn tỷ, hai trăm triệu đồng)

Điều 6. Chủ sở hữu nhà nước

Chủ sở hữu của Công ty là: Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ: Số 16 đường Lê Lợi, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại: 0234. 3822584 - 0234. 3833628 Fax: 0234. 3822803

Email: ubndtth@thuathienhue.gov.vn

Website: www.thuathienhue.gov.vn

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch công ty theo quyết định của Chủ sở hữu công ty. Chủ tịch Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc, Giám đốc tại tập đoàn, tổng công ty, công ty mình và các doanh nghiệp khác.

Điều 8. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Quyền của Công ty

1. Quyền của Công ty đối với vốn, tài sản, đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quyền về kinh doanh và tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định của Điều 7 Luật Doanh nghiệp; phù hợp với mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh quy định tại Điều 4 Điều lệ này.

- a) Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.
- b) Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
- c) Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
- d) Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
- e) Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
- f) Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
- g) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
- h) Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật
- i) Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
- k) Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
- l) Quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Quyền về quản lý lao động, tiền lương và tổ chức công tác cán bộ, nhân sự theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 99/2012/NĐ-CP, Nghị định số 97/2015/NĐ-CP, Nghị định số 51/2016/NĐ-CP, Nghị định số 52/2016/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

4. Quyền được hỗ trợ, tạo điều kiện vật chất và các lợi ích tài chính khác khi tham gia hoạt động công ích theo quy định của Điều 9 Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 130/2013/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 11. Nghĩa vụ của Công ty

1. Công ty có nghĩa vụ đối với vốn, tài sản đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước, Điều 8 Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan:

2. Nghĩa vụ trong kinh doanh:

- a) Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đăng ký;
- b) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;
- c) Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý Công ty của người lao động theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, công bố thông tin theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Chủ sở hữu;

e) Tuân theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường;

f) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho con người của Công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật;

g) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên và các cán bộ quản lý khác;

h) Chịu sự giám sát, kiểm tra của Chủ sở hữu công ty; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

i) Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu công ty về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác;

k) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được Nhà nước giao.

3. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích theo quy định của Điều 9 Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 130/2013/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của Chủ sở hữu đối với Công ty

1. Quyết định thành lập, quyết định mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh của Công ty; quyết định đầu tư vốn, vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Công ty.

2. Quyết định nội dung Điều lệ công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

3. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty; quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào doanh nghiệp khác. Phê duyệt chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác;

4. Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch và Kiểm soát viên công ty. Cử người đại diện vốn nhà nước để quản lý phần

vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác. Quyết định về quy hoạch và cho ý kiến thống nhất bằng văn bản để Chủ tịch công ty bổ nhiệm chức danh Giám đốc công ty.

5. Phê duyệt chiến lược phát triển; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 (Năm) năm, hàng năm; kế hoạch tài chính 5 (Năm) năm, hàng năm của Công ty.

6. Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (Năm mươi phần trăm) vốn điều lệ của Công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ công ty; phê duyệt chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty.

8. Tiếp nhận và xem xét, phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện của năm trước và quỹ tiền lương, thù lao, kế hoạch của người quản lý Công ty. Quyết định chuyển xếp lương, nâng bậc lương đối với người quản lý Công ty chuyên trách thuộc thẩm quyền bổ nhiệm.

9. Tiếp nhận, giám sát, kiểm tra báo cáo của Chủ tịch và Kiểm soát viên công ty về định mức lao động, kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của năm trước và có ý kiến về các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động, lợi nhuận (nếu có).

10. Giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng của Công ty. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Đánh giá đối với Chủ tịch và Kiểm soát viên công ty trong việc quản lý, điều hành Công ty.

11. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 13. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với Công ty

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Công ty.
2. Tuân thủ Điều lệ Công ty.
3. Về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

a) Chủ sở hữu công ty có nghĩa vụ về các khoản nợ và tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty. Chủ tịch công ty phải quản lý, điều hành Công ty bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;

b) Chủ sở hữu công ty giám sát, kiểm tra, đánh giá các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty. Trường hợp phát hiện Công ty gặp khó khăn trong thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Chủ sở hữu công ty yêu cầu Công ty có đề án khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định;

c) Khi Công ty lâm vào tình trạng phá sản, Chủ sở hữu công ty chỉ đạo Chủ tịch công ty thực hiện thủ tục yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;

4. Phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu công ty có nghĩa vụ thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty; giám sát thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình;

b) Chủ tịch công ty phải thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty theo đúng chủ trương phê duyệt và quy định của pháp luật.

5. Nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty.

Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu công ty có nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty; bảo đảm để Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty chủ động quản lý, điều hành có hiệu quả Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương IV TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 14. Mô hình tổ chức, quản lý Công ty

- + Chủ tịch công ty;
- + Giám đốc;
- + Kiểm soát viên.

Điều 15. Chủ tịch công ty

1. Chủ tịch công ty do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm. Chủ tịch công ty nhân danh Chủ sở hữu công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Chủ tịch công ty do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế; thời hạn bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 5 (Năm) năm và được Chủ sở hữu công ty xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ và đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh Chủ tịch công ty theo quy định của pháp luật; thời hạn bổ nhiệm lại nhưng không quá 2 (Hai) nhiệm kỳ tại một Công ty.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, các trường hợp miễn nhiệm, thay thế Chủ tịch công ty quy định tại Khoản 7, Khoản 8 và Khoản 9, Khoản 10 Điều 15 Điều lệ này.

3. Tiền lương, tiền thưởng, các khoản phụ cấp và lợi ích khác của Chủ tịch công ty do Chủ sở hữu công ty quyết định và được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

4. Chủ tịch công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình; tổ chức kiểm soát nội bộ. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch công ty được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế Quản lý tài chính của Công ty.

5. Các quyết định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được ký và đóng dấu với chức danh Chủ tịch công ty, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu công ty thì phải được Chủ sở hữu công ty chấp thuận mới có hiệu lực pháp luật.

6. Chủ tịch công ty làm việc hàng ngày tại Công ty. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 (Ba mươi) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty và được sự chấp thuận của Chủ sở hữu công ty; các trường hợp khác về ủy quyền thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch công ty

a) Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 (Năm) năm, hàng năm; kế hoạch tài chính 5 (Năm) năm, hàng năm của Công ty trình Chủ sở hữu công ty phê duyệt để tổ chức thực hiện;

b) Thực hiện sắp xếp, đổi mới Công ty sau khi được Chủ sở hữu công ty phê duyệt phương án và các văn bản khác có liên quan;

c) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty; việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận công ty con, công ty liên kết; cử và giao nhiệm vụ cho Người đại diện để quản lý phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác sau khi đề nghị và được Chủ sở hữu công ty phê duyệt chủ trương, chấp thuận;

d) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác sau khi đề nghị và được Chủ sở hữu công ty phê duyệt chủ trương, chấp thuận;

e) Quyết định phê duyệt các quy chế, nội quy quản lý nội bộ của Công ty; trình phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được Chủ sở hữu công ty phê duyệt, chấp thuận; tổ chức công bố, công khai thông tin doanh nghiệp;

f) Quyết định tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với các chức danh do Chủ tịch công ty bổ nhiệm;

g) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, thôi việc, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc công ty sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chủ sở hữu công ty;

h) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, thôi việc, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty theo đề nghị của Giám đốc công ty;

i) Đề nghị cấp có thẩm quyền việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, thôi việc, khen thưởng, kỷ luật đối với Kiểm soát viên công ty;

k) Đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty;

l) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ trong quá trình sản xuất kinh doanh theo quy định;

m) Thay mặt Công ty để ký tiếp nhận vốn, đất đai, tài nguyên, công trình, hoặc giao nhiệm vụ, đặt hàng và các nguồn lực khác do Chủ sở hữu công ty đầu tư hoặc giao cho Công ty quản lý. Quyết định các vấn đề về: huy động vốn; đề xuất kế hoạch, trình phê duyệt, quyết định, tổ chức thực hiện dự án đầu tư, nâng cấp, sửa chữa công trình; ký kết các hợp đồng: đặt hàng của Nhà nước; hợp đồng tín dụng; đầu tư xây dựng, sửa chữa công trình; mua, bán tài sản trong phạm vi thẩm quyền của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước. Trường hợp dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức quy định của pháp luật, Chủ tịch công ty báo cáo Chủ sở hữu công ty xem xét, phê duyệt;

n) Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành Doanh nghiệp tuân thủ đúng quy trình của pháp luật và các quyết định của Chủ sở hữu công ty; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho Chủ sở hữu công ty về việc Doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Chủ sở hữu công ty giao hoặc những trường hợp sai phạm khác;

o) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu công ty, của Chủ tịch công ty, việc thực hiện Điều lệ, nội quy, quy chế, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức đánh giá, giám sát, phân loại người quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

p) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo đặc thù của Công ty, không trái với quy định của pháp luật.

8. Tiêu chuẩn, điều kiện của Chủ tịch công ty

- a) Đạt tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng và Nhà nước và điều kiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 97/2015/NĐ-CP;
- b) Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên và kinh nghiệm thực tế trong quản lý thuộc lĩnh vực, ngành nghề hoạt động chính của Công ty;
- c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;
- d) Có đủ hồ sơ cá nhân được cấp có thẩm quyền thẩm định, xác minh, xác nhận;
- e) Được quy hoạch cho chức danh bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ hoặc được quy hoạch vào chức danh tương đương với chức danh bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự từ nơi khác. Trong độ tuổi bổ nhiệm;
- f) Không đồng thời là cán bộ, công chức trong bộ máy quản lý nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp thành viên;
- g) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- h) Không đang trong thời gian thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;
- i) Không đang trong thời gian xem xét xử lý kỷ luật, điều tra, truy tố, xét xử;
- k) Trường hợp nhân sự được đề nghị bổ nhiệm đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra thì cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm trao đổi với trường đoàn thanh tra, kiểm tra trước khi bổ nhiệm;
- l) Không phải là các chức danh quản lý doanh nghiệp của Nghị định số 97/2015/NĐ-CP đã từng bị miễn nhiệm trước thời hạn tại Công ty hoặc ở doanh nghiệp Nhà nước khác;
- m) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện Chủ sở hữu công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên của công ty;
- n) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các tiêu chuẩn khác theo ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.

9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Chủ tịch công ty

a) Chủ tịch công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau đây:

- Có hành vi vi phạm pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Vi phạm pháp luật bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo mà yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế;

+ Bị cấp có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức kỷ luật cách chức;

- Không đủ năng lực, trình độ, uy tín để thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Trong 2 (Hai) năm liên tiếp của nhiệm kỳ giữ chức vụ bị đánh giá, phân loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

+ Trong 1 (Một) nhiệm kỳ hoặc trong 2 (Hai) nhiệm kỳ liên tiếp bị 2 (Hai) lần xử lý kỷ luật liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao;

+ Để tổ chức, đơn vị được giao phụ trách mất đoàn kết hoặc làm tổ chức, đơn vị mất đoàn kết theo kết luận của cấp có thẩm quyền;

+ Bị cơ quan kiểm tra, thanh tra có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về vi phạm tư cách đạo đức hoặc vi phạm quy định về những việc đảng viên không được làm đối với người quản lý là đảng viên.

- Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Khi Công ty không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Chủ sở hữu công ty giao mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được Chủ sở hữu công ty chấp thuận;

- Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 8 Điều 15 Điều lệ này.

b) Chủ tịch công ty được thay thế trong trường hợp sau đây:

- Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự pháp luật;

- Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc bố trí công việc khác;

- Bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của Điểm a, Khoản 9 Điều 15 Điều lệ này.

c) Trong thời hạn 60 (Sáu mươi) ngày kể từ ngày xảy ra một trong những trường hợp được nêu tại điểm a, Khoản 9 Điều 15 Điều lệ này; Ban Điều hành Công ty phải họp đề kiến nghị Chủ sở hữu công ty xem xét, quyết định việc tuyển chọn, bổ nhiệm người thay thế;

d) Ngoài các quy định trên, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch công ty theo quy định của Nghị định số 97/2015/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật.

10. Nghĩa vụ của Chủ tịch công ty

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Chủ sở hữu công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Chủ sở hữu công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

e) Chấp hành các quyết định của Chủ sở hữu công ty.

f) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi quy định tại Khoản 5 Điều 51 Luật Doanh nghiệp:

- Vi phạm pháp luật;

- Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho người khác;

- Thanh toán khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 16. Giám đốc công ty

1. Giám đốc công ty do Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chủ sở hữu công ty; thời hạn bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 5 (Năm) năm và được Chủ tịch công ty xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ và đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh Giám đốc công ty theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, các trường hợp miễn nhiệm, thay thế Giám đốc công ty quy định tại Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10 Điều 16 Điều lệ này.

3. Tiền lương, tiền thưởng, các khoản phụ cấp và lợi ích khác của Giám đốc công ty do Chủ tịch công ty quyết định và được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

4. Giám đốc công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình; tổ chức kiểm soát nội bộ. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc công ty được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Giám đốc công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

5. Các quyết định thuộc thẩm quyền của Giám đốc công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được ký và đóng dấu với chức danh Giám đốc công ty, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty thì phải được Chủ tịch công ty chấp thuận mới có hiệu lực pháp luật.

6. Giám đốc công ty làm việc hàng ngày tại Công ty; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 (Ba mươi) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền, nhiệm vụ của Giám đốc công ty và được sự chấp thuận của Chủ tịch công ty; các trường hợp khác về ủy quyền thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc công ty.

a) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh của Công ty;

b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty và của Chủ sở hữu công ty;

c) Quyết định các công việc hàng ngày của Công ty;

d) Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, đối với các chức danh Trưởng, Phó Trưởng phòng, Trưởng, Phó các đơn vị trực thuộc và các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

e) Ký kết hợp đồng, thỏa thuận nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

f) Lập và trình Chủ tịch công ty báo cáo định kỳ hằng quý/6 tháng/năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh và báo cáo tài chính hằng năm; báo cáo tình hình hoạt động, điều hành Công ty với Chủ tịch công ty tại các cuộc họp giao ban và báo cáo đột xuất khi cần thiết;

g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức lại Công ty, khi xét thấy cần thiết;

h) Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế, xử lý lỗ và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;

i) Tuyển dụng lao động;

k) Quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

8. Tiêu chuẩn của Giám đốc công ty

a) Đạt tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng và Nhà nước và điều kiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 97/2015/NĐ-CP;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện Chủ sở hữu công ty;

e) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của Chủ tịch công ty;

f) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty;

g) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Kiểm soát viên công ty;

h) Không đồng thời là cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

i) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc tại công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác;

k) Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác;

l) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định của pháp luật.

9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Giám đốc công ty

a) Giám đốc công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau đây:

- Có hành vi vi phạm pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Vi phạm pháp luật bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo mà yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế;

+ Bị cấp có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức kỷ luật cách chức.

- Không đủ năng lực, trình độ, uy tín để thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Trong 2 (Hai) năm liên tiếp của nhiệm kỳ giữ chức vụ bị đánh giá, phân loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

+ Trong 1 (Một) nhiệm kỳ hoặc trong 2 (Hai) nhiệm kỳ liên tiếp bị 2 (Hai) lần xử lý kỷ luật liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao;

+ Để tổ chức, đơn vị được giao phụ trách mất đoàn kết hoặc làm tổ chức, đơn vị mất đoàn kết theo kết luận của cấp có thẩm quyền;

+ Bị cơ quan kiểm tra, thanh tra có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về vi phạm tư cách đạo đức hoặc vi phạm quy định về những việc đảng viên không được làm đối với người quản lý là đảng viên.

- Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Khi Công ty không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Chủ tịch công ty giao mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được Chủ tịch công ty chấp thuận;

- Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 8 Điều 16 Điều lệ này.

b) Giám đốc công ty được thay thế trong những trường hợp sau đây:

- Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự pháp luật;

- Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc bố trí công việc khác;

- Bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của điểm a, Khoản 9 Điều 16 Điều lệ này.

c) Trong thời hạn 60 (Sáu mươi) ngày kể từ ngày xảy ra một trong những trường hợp được nêu tại điểm a, Khoản 9 Điều 16 Điều lệ này; Ban Điều hành Công ty phải họp để kiến nghị Chủ tịch công ty xem xét, quyết định việc tuyển chọn, bổ nhiệm người thay thế;

d) Ngoài các quy định trên, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc công ty theo quy định của Nghị định số 97/2015/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật.

10. Nghĩa vụ của Giám đốc công ty

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch công ty về thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Giám đốc và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

e) Chịu trách nhiệm cá nhân khi: nhân danh Công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục

vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;

f) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và Điều lệ này;

11. Khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc công ty theo quy định tại Nghị định số 97/2015/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật.

Điều 17. Quan hệ giữa Chủ tịch công ty và Giám đốc công ty trong quản lý, điều hành Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc báo cáo với Chủ tịch Công ty để xem xét điều chỉnh lại Nghị quyết, quyết định. Trường hợp Chủ tịch công ty không điều chỉnh lại Nghị quyết, quyết định thì Giám đốc công ty có thể báo cáo Chủ sở hữu công ty, nhưng vẫn phải thực hiện Nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty. Trong quá trình điều hành hoạt động hàng ngày, đàm phán ký kết thỏa thuận, ký kết hợp đồng, nếu Chủ tịch công ty phát hiện có yếu tố bất lợi cho Công ty, chưa phù hợp với quy định hiện hành, thì Chủ tịch công ty yêu cầu Giám đốc báo cáo, điều chỉnh cho phù hợp.

2. Giám đốc công ty có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về tình hình quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý/sáu tháng/năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới cho Chủ tịch công ty; báo cáo công tác quản lý điều hành tại các cuộc họp giao ban một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời cho Chủ tịch công ty; báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch công ty.

3. Các cuộc họp do Giám đốc công ty chủ trì đều phải mời Chủ tịch công ty dự, Chủ tịch công ty dự, phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

Điều 18. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc công ty giúp Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Phó Giám đốc công ty do Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu theo đề nghị của Giám đốc công ty.

Số lượng Phó Giám đốc công ty không quá 2 (Hai) người.

2. Kế toán trưởng công ty do Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu theo đề nghị của Giám đốc công ty; tiêu chuẩn của Kế toán trưởng theo tiêu chuẩn chung của Đảng và nhà nước và pháp luật về kế toán; nhiệm vụ,

quyền hạn và nghĩa vụ của Kế toán trưởng thực hiện theo phân công và ủy quyền của Giám đốc công ty, phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

3. Thời hạn bổ nhiệm đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng với nhiệm kỳ không quá 5 (Năm) năm và được Chủ tịch công ty xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ và đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh Phó Giám đốc, Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật.

4. Bộ máy giúp việc gồm văn phòng; các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc cho Chủ tịch, Giám đốc quản lý, điều hành Công ty, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu công ty đối với các doanh nghiệp khác.

Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Giám đốc công ty quyết định sau khi được Chủ tịch công ty phê duyệt, chấp thuận.

Điều 19. Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên công ty là người giúp Chủ sở hữu công ty kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, việc quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Công ty.

Kiểm soát viên công ty do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu; thời hạn bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 3 (Ba) năm và được Chủ sở hữu công ty xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ và đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật; thời hạn bổ nhiệm lại nhưng không quá 2 (Hai) nhiệm kỳ tại một Công ty.

Số lượng Kiểm soát viên công ty không quá 1 (Một) người.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ làm việc, quyền, trách nhiệm của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên và quy định khác của pháp luật liên quan.

a) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh và có ít nhất 3 (Ba) năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 5 (Năm) năm kinh nghiệm làm việc liên quan đến chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh được đào tạo.

b) Không phải là người lao động của công ty.

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của đối tượng sau đây:

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty;

Chủ tịch của công ty;

Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty;

Kiểm soát viên khác của công ty.

d) Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

e) Không được đồng thời là Kiểm soát viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước.

f) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định của pháp luật.

3. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên:

a) Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên được xác định trên cơ sở khối lượng công việc được giao, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thời gian làm việc tại Công ty, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

b) Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên do Chủ sở hữu công ty quyết định nằm trong quỹ tiền lương của người quản lý; quỹ tiền lương, thù lao của Kiểm soát viên do Sở Tài chính quản lý, chi trả hàng tháng và được thanh toán, quyết toán khi được Chủ sở hữu công ty thông qua kết quả đánh giá, xếp loại Kiểm soát viên hằng năm.

4. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật này và Điều lệ công ty.

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các bên tại công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Nhà nước và công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c Khoản 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.

e) Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c Khoản 4 Điều này đều phải trả lại công ty.

f) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì thành viên khác của Ban kiểm soát có nghĩa vụ báo cáo bằng văn bản đến cơ quan đại diện Chủ sở hữu công ty; yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

5. Miễn nhiệm, thay thế Kiểm soát viên

a) Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 103 Luật Doanh nghiệp;

- Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện Chủ sở hữu công ty chấp thuận;

- Được cơ quan đại diện Chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác;

b) Kiểm soát viên bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, trong 3 (Ba) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 20. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan

1. Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty:

a) Không được để vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, Thủ quỹ của Công ty;

b) Báo cáo Chủ sở hữu công ty về các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký kết với vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty. Trường hợp các bên liên quan phát hiện hợp đồng dân sự, kinh tế với những người liên quan có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, người đại diện Công ty ký kết hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp khác thực hiện theo Điều 86 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Chủ sở hữu công ty.

Điều 21. Đơn vị trực thuộc

1. Đơn vị sự nghiệp của Công ty hoạt động theo chế độ Nhà nước quy định và quy chế do Chủ tịch công ty phê duyệt; được Công ty đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cấp kinh phí sự nghiệp nằm trong chi phí chung của Công ty và được tổ chức thực hiện chế độ lấy thu bù chi; thực hiện chế độ phân cấp hạch toán do Công ty quy định; được tạo nguồn thu từ việc thực hiện các nhiệm vụ do Công ty giao, thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ, nghiên cứu khoa học và đào tạo, chuyển giao công nghệ với các đơn vị trong và ngoài Công ty; được hưởng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo chế độ.

2. Đơn vị hạch toán phụ thuộc là đơn vị không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn, tài sản của đơn vị hạch toán phụ thuộc được hạch toán kế toán tập trung tại Công ty và thuộc sở hữu của Công ty. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty được ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo phân cấp của Công ty quy định trong Điều lệ hoặc quy chế của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Giám đốc công ty xây dựng và trình Chủ tịch công ty phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

3. Các phòng trực thuộc Công ty là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cơ cấu về số lượng các phòng, ban trực thuộc Công ty do Giám đốc công ty quyết định sau khi được Chủ tịch công ty phê duyệt, chấp thuận.

4. Văn phòng đại diện, chi nhánh và các địa điểm kinh doanh hoạt động theo quy chế do Chủ tịch công ty phê duyệt, ban hành phù hợp với quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoạt động, Chủ tịch công ty quyết định việc thành lập mới hoặc chấm dứt hoạt động các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phù hợp với quy định Điều lệ này và pháp luật liên quan.

5. Chủ tịch công ty thành lập Ban kiểm soát nội bộ để giúp Chủ tịch công ty kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý điều hành trong Công ty. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan của Ban kiểm soát nội bộ theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ do Chủ tịch công ty ban hành.

Điều 22. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể, Hội nghị đại biểu người lao động, Hội nghị người lao động Công ty.

2. Đối thoại nơi làm việc.

3. Hòm thư góp ý kiến.

4. Tổ chức Công đoàn Công ty.

5. Ban Thanh tra nhân dân.

6. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Nội dung tham gia quản lý Công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Công ty liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của người lao động;

b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết;

c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động;

d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty;

e) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

f) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát:

a) Việc thực hiện Nghị quyết hội nghị người lao động;

b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động;

c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp;

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

3. Hàng năm Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Quan hệ giữa Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Căn cứ tình hình sản xuất, hàng năm Giám đốc công ty lập kế hoạch để Chủ tịch công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc: tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Công ty cũng như mối quan hệ giữa Công ty với các tổ chức Công đoàn của người lao động.

Chương V QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 24. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ quy định tại Điều 5 Điều lệ này có thể tăng trong quá trình hoạt động. Chủ sở hữu công ty phê duyệt tăng vốn điều lệ cho Công ty căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và mở rộng quy mô, hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc thù hoạt động của Công ty. Vốn điều lệ điều chỉnh tăng thêm được xác định tối thiểu cho 3 (Ba) năm kể từ năm quyết định điều chỉnh vốn điều lệ.

2. Hồ sơ, thủ tục và phương pháp xác định vốn điều lệ; quyền, trách nhiệm và nguồn bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và Khoản 3, Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 25. Quản lý tài chính Công ty

Quản lý tài chính của Công ty thực hiện theo Quy chế tài chính do Công ty xây dựng, Chủ sở hữu công ty phê duyệt, ban hành phù hợp với quy định có liên quan của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Công ty, trong đó có hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty; quyền, trách nhiệm của Công ty khi đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác; cơ chế quản lý, quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, thưởng, quyền lợi và tiêu chuẩn người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh, trong đó có quy định về phân phối thu nhập, sử dụng các quỹ.

3. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán.

4. Những nội dung khác có liên quan.

Chương VI

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 26. Tổ chức lại Công ty

Các hình thức, điều kiện, thẩm quyền quyết định, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức lại Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 172/2013/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 27. Chuyển đổi sở hữu Công ty

Chủ sở hữu công ty quyết định việc chuyển đổi Công ty thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 28. Tạm ngừng kinh doanh

1. Chủ sở hữu Công ty quyết định việc tạm ngừng kinh doanh của Công ty theo đề nghị của Chủ tịch công ty. Quyết định tạm ngừng kinh doanh của Chủ sở hữu Công ty phải được lập thành văn bản.

2. Công ty tổ chức thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quyết định của Chủ sở hữu Công ty phù hợp với Điều 200 Luật Doanh nghiệp, Điều 23 Nghị định số 172/2013/NĐ-CP và pháp luật về thành lập doanh nghiệp, pháp luật về thuế, pháp luật có liên quan.

Điều 29. Giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty thực hiện theo quy định từ Điều 25 đến Điều 31 Nghị định số 172/2013/NĐ-CP và pháp luật khác có liên quan.

Điều 30. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

Chương VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 31. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Giám đốc công ty có trách nhiệm gửi Chủ tịch công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý/6 tháng/năm:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và các báo cáo khác theo quy định.

2. Chủ tịch công ty có quyền yêu cầu Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty.

3. Giám đốc công ty là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

Điều 32. Báo cáo và thông tin cho Chủ sở hữu công ty

1. Chủ tịch công ty lập và gửi Chủ sở hữu công ty những tài liệu sau đây:

a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty; báo cáo tình hình hoạt động, điều hành Công ty tại các cuộc họp và báo cáo đột xuất khi cần thiết;

b) Báo cáo tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền hoặc ghi tại quyết định bổ nhiệm (nếu có);

c) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu.

2. Kiểm soát viên trình Chủ sở hữu công ty

a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty trong tổ chức thực hiện quyền Chủ sở hữu Công ty, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

- b) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ báo cáo, thông tin của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu.

3. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý/6 tháng/năm; báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Chủ sở hữu công ty.

Điều 33. Công khai thông tin

1. Chủ tịch công ty quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài của Công ty. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Chủ tịch công ty hoặc người được Chủ tịch công ty ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Chủ tịch công ty là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương VIII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Chủ sở hữu công ty quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Chủ tịch công ty có quyền kiến nghị Chủ sở hữu công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 35. Quản lý con dấu của Công ty

1. Chủ tịch công ty quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trong Công ty trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

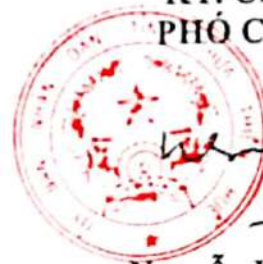
Điều 37. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt.

Điều 38. Phạm vi thi hành

1. Chủ sở hữu, Công ty, các đơn vị, cá nhân có liên quan và người lao động trong Công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.
2. Các quy chế nội bộ của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ và pháp luật có liên quan.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương